

NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ THIÊN HẬU TẠI HỘI QUÁN PHÚC KIẾN, PHỐ LÃN ÔNG, HÀ NỘI¹

TS. Nguyễn Thái Hòa
Trường Đại học Văn hóa TP.HCM
Email: hoanguyen@hcmuc.edu.vn

Tóm tắt: Hội quán Phúc Kiến ở phố Lãn Ông, Hà Nội là công trình tín ngưỡng dân gian do người Hoa gốc tỉnh Phúc Kiến xây dựng. Trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, đến nay hội quán vẫn còn bảo lưu được những nét tiêu biểu về kiến trúc - nghệ thuật và đã được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia. Thông qua tư liệu điền dã tháng 7 và tháng 11 năm 2020 của tác giả, bài viết giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành, tổng quan về kiến trúc và đặc biệt là trình bày những biến đổi trong tín ngưỡng thờ cúng Thiên Hậu tại hội quán Phúc Kiến hiện nay.

Từ khóa: Hội quán Phúc Kiến, văn hóa người Hoa ở Hà Nội, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu.

Abstract: Phuc Kien Assembly Hall in Lan Ong Street, Hanoi is a folk belief structure built by the Chinese people of Fujian province. The hall, which has been restored and repaired several times, still retains its typical features of architecture and art and has been recognized as a national historical and cultural relic. Based on the results of the author's fieldwork in July and November 2020, this article provides an overview of the history of the formation and architecture of the Hall. In particular, it presents current changes in the belief of Thien Hau (also known as the ocean sea goddess Mazu in China) worship at Phuc Kien Assembly Hall.

Keywords: Phuc Kien Assembly Hall, Chinese ethnic culture in Hanoi, belief of Thien Hau worship.

Ngày nhận bài: 11/6/2021; ngày gửi phản biện: 30/8/2021; ngày duyệt đăng: 10/10/2021.

Đặt vấn đề

Người Hoa di cư sang Việt Nam đã mang theo tín ngưỡng của cộng đồng ở cố hương - Trung Quốc, với hi vọng sẽ được các vị thần bảo hộ bình an, an cư lạc nghiệp trên vùng đất mới. Những vị thần này có thể là Quan Công, Phúc Đức Chánh Thần hay Thiên Hậu Thánh Mẫu,... Với người Hoa Phúc Kiến ở phố Lãn Ông, Hà Nội vị thần tối thượng trong tâm thức của họ chính là bà Thiên Hậu. Để cảm tạ ân đức của bà, cộng đồng người Hoa đã chung tay dựng nên hội quán Phúc Kiến vừa để thờ cúng, vừa làm nơi hội họp của cộng đồng.

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 601.01-2019.300.

Ở Việt Nam từ trước đến nay, đã có nhiều công trình chuyên khảo nghiên cứu sâu về tín ngưỡng thờ Thiên Hậu, tiêu biểu như: *Tín ngưỡng Thiên Hậu vùng Tây Nam bộ* của Nguyễn Ngọc Thơ (2017); *Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Việt Nam* của Phan Thị Hoa Lý (2018); và nhiều bài viết của các học giả đề cập đến sự giao lưu, biến đổi của tín ngưỡng này, như: *Thiên Hậu Thánh Mẫu - vị nữ thần biển khơi và sự thâm nhập của tín ngưỡng này vào vùng biển phía Nam* của Phạm Văn Tú (2008); *Đặc trưng tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Đồng bằng sông Cửu Long* của Nguyễn Ngọc Thơ (2014); *Nghiên cứu so sánh tín ngưỡng thờ cúng Thiên Hậu tại các miếu (hội quán) của người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh với Hội An (Quảng Nam)* của Võ Thị Ánh Tuyết (2014); *Biến đổi tục thờ bà Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Hạ Phố: chiến lược hội nhập của người Hoa* của Phan Thị Hoa Lý (2019);... Tuy nhiên, đến nay hầu như chưa có công trình nào nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Thiên Hậu cũng như sự biến đổi của tín ngưỡng này tại hội quán Phúc Kiến ở phố Lãn Ông, Hà Nội mà nội dung của bài viết này đề cập.

1. Tổng quan về lịch sử hình thành và kiến trúc của hội quán

1.1. Lịch sử hình thành

Hội quán Phúc Kiến (còn gọi là miếu thờ Thiên Hậu) hiện nay tọa lạc ở địa chỉ 40 Lãn Ông, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Theo sử sách, phố này nguyên là đất thôn Hậu Đông, huyện Thọ Xương cũ, sau hợp với hai thôn Đông Hoa Môn và Đông Hoa Nội nên đổi gọi thành Đức Môn. Tới thế kỷ XIX, người Hoa gốc tỉnh Phúc Kiến đến đây sinh sống rất đông, vì thế con phố có tên là phố Phúc Kiến. Sách *Từ điển đường phố Hà Nội* cho biết, phố Lãn Ông là tên một phố dài 180m, đi từ ngã tư phố Hàng Đường nối tiếp phố Hàng Buồm, cắt ngã tư Chả Cá - Hàng Cân đến phố Thuốc Bắc, thuộc quận Hoàn Kiếm. Thời Pháp thuộc phố mang tên là phố Phúc Kiến (Ruedes Phúc Kiến),... Từ sau 1947 đến nay được gọi là phố Lãn Ông. Đây là phố chuyên buôn bán thuốc Bắc với nhiều vị quý hiếm (Nguyễn Hoài, Nguyễn Loan, Nguyễn Tuệ, 2002, tr. 118).

Hội quán Phúc Kiến là nơi phụng thờ nữ thần Thiên Hậu và là học hiệu Phúc Kiến - nơi dạy học cho con em người Hoa Phúc Kiến trong vùng trước đây. Căn cứ theo tấm bia “Phúc kiến Hội quán hưng sáng lục” gắn trên tường phải tam quan (theo hướng từ trong nhìn ra) của hội quán có niên đại vào năm Gia Long thứ 16 (Đinh Sửu, 1817) cho biết “...Thương thuyền đến An Nam trú ngụ ở đất Thăng Long dựng miếu đền nhang thờ cúng. Đến năm Ất Hợi (1815), nhân hội bàn thương hội, liền quyên góp tiền của mua một miếng đất làm miếu. Mọi người đều hân hoan tán đồng, liền mua một khu đất xứ Đông Hoa Môn. Lúc đó, có thuyền gỗ tốt từ Nghệ An đến, liền mua để dựng miếu, tạc tượng thần. Công việc khởi công từ tháng trọng hạ đến trọng đông² thì hoàn thành. Năm Bính Tý (1816), rước tượng vào miếu yên vị. Ngoài miếu là bãi đình, nơi hội họp của bản phố” (Nguyễn Thị Hòa, 2002, tr. 187).

² Khoảng từ tháng Năm (Trọng Hạ) đến tháng Một (11) (Trọng Đông) theo lịch âm.

Trải qua hơn 100 năm xây dựng, hội quán được trùng tu và mở rộng. Bia “Phúc Kiến hội quán trùng tu bia ký” hiện còn ở di tích cho biết: “Cung Thiên Hậu khởi dựng từ đời vua Gia Long thứ 16 (1817). Khi đó thuyền buôn tụ tập đến đây buôn bán và quyên góp tiền của xây dựng. Đến nay, trải qua nhiều năm tháng, nên mưa gió làm cho đồ nát hư hại nhiều..., nay tu sửa cung Thiên Hậu để khích lệ việc học tập cho thanh niên về sau..., ngày lành tháng Mạnh Xuân năm Kỷ Sửu Trung Hoa dân quốc 14 (1925). Đến ngày lành năm Bính Dần Trung Hoa dân quốc thứ 15 (1926), tiếp tục trùng tu hai tòa Hội quán Phúc Kiến, cùng dựng học hiệu và làm 3 tòa nhà mới khu nghĩa địa” (Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, Ban quản lý di tích và danh thắng, 2006, tr. 2-3). Lần tu bổ, tôn tạo hội quán gần đây nhất là vào năm 2014 hoàn thành năm 2015, chia làm 2 phần: Phần 1: Tu bổ tôn tạo di tích Hội quán Phúc Kiến; Phần 2: Cải tạo Trường Tiểu học Hồng Hà³ (Tuyết Minh, 2015).

1.2. Kiến trúc hội quán

Hội quán Phúc Kiến được xây dựng trên một khu đất rộng, quay theo hướng chính nam với các công trình kiến trúc bao gồm: cổng tam quan, sân, phương đình, hậu cung nằm trên một trục thẳng từ ngoài vào được bố cục hài hòa, cân đối. Hai bên trục này và phía sau là những dãy nhà hai tầng - khu học hiệu trước đây của hội quán (nay là trường Tiểu học Hồng Hà). Từ ngoài vào các công trình cụ thể như sau:

Tam quan: Được xây dựng và trang trí khá công phu với mái lợp ngói ống, bờ nóc đắp cao và nổi gồm nhiều họa tiết như giữa là hồ phù đội bầu rượu, hai đầu là rồng lá đuôi xoắn, ở phần thân đắp nổi bát tiên, hoa cúc, hai đầu kim là hình tượng hai con nghê đang ngồi canh giữ,... Kết cấu mái là bộ khung gỗ chịu lực theo kiểu “chồng rường” 4 tầng, được trợ lực bởi các thanh củng ở hai đầu cột. Trên các thanh củng đều được chạm trổ rồng công phu, tinh xảo. Tam quan hội quán có 3 cửa ra vào, cánh cửa đều làm bằng gỗ. Hai bên cửa chính là hai ô thông gió hình chữ thọ cách điệu, còn hai cửa phụ hai bên vuông góc với cửa chính và đối diện nhau.

Nhà phương đình: Khác với kiểu kiến trúc thường thấy của người Hoa Phúc Kiến thờ Thiên Hậu ở Thành phố Hồ Chí Minh, sau khoảng sân sẽ là tiền điện với bộ mái đồ sộ mang đặc trưng phong cách kiến trúc như bờ nóc cong như hình chiếc thuyền, các đầu hồi, đầu kim trang trí nhiều quần thể tượng gồm về con người, cảnh vật, các điển tích trong văn học cổ Trung Hoa..., nhà phương đình ở hội quán Phúc Kiến phố Lãn Ông lại mang dáng dấp, phong cách kiến trúc của người Việt. Phương đình hay còn gọi là nhà khách, là một tòa hình vuông với 2 tầng mái kiểu chồng diêm và 8 đầu đao cong vút. Hai tầng mái biến thể chồng khít lên nhau không có dải cổ diêm. Giữa bờ nóc của tầng mái trên đắp nổi hình hồ phù đội mặt trời lửa và hai đầu là rồng lá uốn chầu. Ở 8 đầu đao cũng là rồng lá uốn lượn quay đầu về bờ nóc. Mái nhà lợp ngói vẩy cá, diềm mái trang trí hồi văn cách điệu.

³ Trước đây là Học hiệu Phúc Kiến. Hiện nay, hội quán Phúc Kiến tọa lạc trong khuôn viên Trường Tiểu học Hồng Hà.

Hậu cung: Hậu cung là một ngôi nhà ba gian với mái lợp ngói, tường xây gạch vữa và bộ khung gỗ chịu lực. Từ nhà phương đình chỉ có một lối vào hậu cung ở gian giữa, còn hai gian bên xây bít, trang trí thêm các ô thông gió. Bên trong hậu cung có 4 vì kèo được liên kết với nhau bằng các xà ngang theo kiểu “Chồng rường, giá chiêng”. Hai hàng cột cái kê trên đá tảng to và cao làm cho lòng nhà thoáng dăng và tôn lên chiều cao của ngôi nhà. Ngoài ra, ở hai đầu hồi, trên cao còn hai ô thông gió, giúp lưu thông không khí và lấy ánh sáng tự nhiên. Những yếu tố này đã giúp cho hậu cung ở hội quán Phúc Kiến tuy không quy mô như nhiều hội quán khác của người Hoa nói chung, nhưng vẫn thông thoáng, nghiêm trang và quy củ. Có thể nói, lịch sử hình thành và phát triển của hội quán Phúc Kiến cùng những hiện vật còn lưu giữ, như khám thờ, tượng tròn, bài vị, quạt vĩa, chuông đồng, chiêng đồng, bảng gỗ sơn son thếp vàng ghi chép lịch triều sắc phong Thiên Hậu, hoành phi, câu đối... là những tư liệu lịch sử, văn hóa rất có giá trị cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về quá trình định cư và sinh sống của cộng đồng người Hoa tại Hà Nội nói riêng và khu vực Bắc Bộ nói chung.

2. Những biến đổi trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu tại hội quán

2.1. Khái quát về tín ngưỡng thờ Thiên Hậu

Về lai lịch bà Thiên Hậu hay còn gọi là Ma tổ, Thiên Phi, Thiên Thượng Thánh Mẫu... đã có rất nhiều học giả ở Trung Quốc và Việt Nam đề cập⁴. Bài văn ghi trên bia “Phúc Kiến hội quán hưng sáng lục” còn lưu tại hội quán có đoạn: “...Thường nghe: con người trong cõi dân gian luôn có linh âm phù chở che, Thánh cung Thiên Hậu đức khôn linh nghiệm. Thánh giáng sinh vào năm đầu Kiến Long. Thời Tống ở Đô Lâm, huyện Bồ Điền. Lúc sinh trong nhà hương thơm, diềm lành hiện ra anh linh kỳ tú, lớn lên ngộ đạo huyền diệu, bay đi tiêu dao nơi góc bể chân trời, giúp người lợi vật. Nơi đâu cầu khẩn đều có báo ứng. Từ đời Tuyên Hòa (1119-1126) trở đi, thánh hiển ứng được phong là Thiên Phi. Trải qua các đời phong sắc tặng là “Vinh trì sung tích cáo đan Côn Hoàng”. Đến triều đại Thanh niên hiệu Khang Hi (1662-1723) phong Thiên Hậu liệt điển lệ thờ cúng. Ban tiền công sai quan làm biển thờ, tàu thuyền chở hàng hóa đi biển đều nhờ thánh từ che chở. Thương thuyền đến An Nam trú ngụ ở đất Thăng Long dựng miếu đền đền nhang thờ cúng...” (Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội,

⁴ Nhiều tài liệu ghi chép ở Trung Quốc cho biết, bà Thiên Hậu sinh ngày 23 tháng Ba năm Canh Thân (21/4/960); mất ngày mùng 9 tháng Chín năm Đinh Hợi (4/10/987); quê ở đảo Mi Châu, huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến. Cha của bà tên là Lâm Nguyên, giữ một chức quan nhỏ dưới thời nhà Tống. Tương truyền, khi bà sinh ra xuất hiện nhiều hiện tượng kỳ lạ như có ánh sáng đỏ, mùi thơm đượm nồng. Bà được đặt tên là Lâm Mặc, do từ khi ra đời cho đến khi đầy tháng, bà không một lần cất tiếng khóc. Năm 1 tuổi, khi gặp chur thần, bà đã biết chấp tay kính bái, 5 tuổi đã có thể thông hiểu *Quan Âm kinh*... Khi trưởng thành, bà học được nhiều phép thần thông, biết rõ phúc họa, tinh thông y thuật, chữa bệnh cứu người nên được mọi người rất mến mộ. Một lần, cha và các anh của bà đi biển gặp nạn, bà ở nhà nhắm mắt vận phép cứu bằng cách hai tay giữ hai anh, miệng giữ cổ áo của cha. Nhưng mẹ của bà tưởng con bị bệnh nên lay gọi, khi bà mở miệng trả lời, thì sóng biển đã cuốn trôi cha. Ít ngày sau, 2 anh trở về và thuật lại câu chuyện như vậy. Từ đó, tiếng tăm của bà càng ngày càng lan xa. Bà không bệnh mà mất, hưởng dương 27 tuổi. Sau khi bà mất, dân chúng biết ơn nên lập miếu thờ và truyền tai nhau rằng, họ thường thấy bà cứu người gặp nạn trên biển. Tín ngưỡng thờ bà ra đời từ đây (Trần Thái Tiên, 2011, tr. 33-34).

Ban quản lý di tích và danh thắng, 2006, tr. 3). Bia “Phúc Kiến hội quán trùng tu bi ký”, niên hiệu Trung Hoa dân quốc thứ 15 (1926) cho biết: “Đức Thánh Thiên Hậu vốn linh dị, cùng lịch sử, quá khứ và tiền nhân công đức mãi lưu truyền, nay còn kế tục và được bảo tồn để truyền lại về sau, để đời sau truyền cho đời nữa” (Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, Ban quản lý di tích và danh thắng, 2006, tr. 3).

Qua thời gian, các triều đại phong kiến Trung Quốc (Tống, Nguyên, Minh, Thanh) đều phong sắc cho bà. Đây là nhân tố giúp cho tín ngưỡng thờ Bà ngày càng được mở rộng, từ trong triều đình lan ra dân gian. Từ ngôi miếu đầu tiên vào năm Tuyên Hòa thứ 4 (1122) do triều đình cấp tài vật để xây dựng, đến năm Tống Cao Tông thứ 26 (1156), có thêm một ngôi miếu thứ hai và trong những năm tiếp theo, miếu thờ bà không ngừng được xây dựng không chỉ ở Mi Châu mà khắp nơi ở các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Triết Giang, Giang Tô,... Nói chung, ở những tỉnh ven biển của Trung Quốc đều có miếu thờ bà, trở thành một vị nữ thần có vị trí quan trọng trong hệ thống thần linh của người Trung Quốc suốt trong nhiều thế kỷ.

Với sự linh ứng của bà Thiên Hậu, đặc biệt trong việc phò trợ cho những người đi biển, nên trên các con tàu đều đặt cái khám nhỏ thờ bà và hương khói mỗi ngày. Trước khi ra khơi, các thủy thủ mang lễ vật đến miếu cầu bà cho chuyến đi được bình an, thuận lợi. Ngoài ra, những người làm xuất nhập khẩu, những nhà thầu vận tải đường biển, những người di cư... cũng tin tưởng đến cúng lễ thường xuyên (Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, Ban Quản lý di tích và danh thắng, 2006, tr. 5). Vì vậy, khi di cư sang Việt Nam, những người Hoa Phúc Kiến đã dựng miếu thờ bà ở phố Lân Ông cũng không ngoài mục đích cảm tạ công ơn của bà đã giúp họ an toàn đến vùng đất mới. Bia “Phúc Kiến Hội quán hưng sáng lục” của hội quán có ghi: “...Thương thuyền đến An Nam trú ngụ ở đất Thăng Long dựng miếu đền đền nhang thờ cúng...”.

2.2. Những biến đổi trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu hiện nay

2.2.1. Biến đổi trong việc bài trí tượng thờ

Hậu cung của hội quán Phúc Kiến có 3 gian thờ với 6 pho tượng, 1 bài vị, trong đó các pho tượng tập trung chủ yếu ở gian giữa và gian hữu. Cụ thể, ở gian giữa là tượng bà Thiên Hậu cùng hai ti nữ hai bên được đặt trong tủ kính. Còn gian hữu là tượng Phúc Đức Chánh Thần (tức thần Thổ địa) và hai bên là Thiên lý nhãn, Thuận phong nhĩ. Gian còn lại (bên tả) chỉ có bài vị không viết chữ, chạm rồng, hai bên khám thờ có câu đối:

Thổ vương đồng nhân khánh,

Địa linh lý thái khiêm,

Tạm dịch:

Đất tốt mọi người cùng nhau vui vẻ

Đất thiêng phúc lộc đề huề.

Theo lời bà B.B.T, người có 10 năm quản lý Trường Tiểu học Hồng Hà, cũng là người lo việc cúng lễ tại miếu, thì 6 pho tượng này đã được an vị từ trước, trong đó pho tượng bà Thiên Hậu là đặc biệt nhất: “...bức tượng ấy khá là cổ, làm theo kỹ thuật của người Trung Quốc, là họ chỉ lắp tay lắp chân chứ không đục theo khối như người Việt mình...” (Phỏng vấn bà B.B.T, ngày 23/7/2020 tại Hà Nội). Cũng theo lời bà B.B.T, gian bên trái là nơi “thờ vọng những người có công xây dựng hội quán” (Phỏng vấn bà B.B.T, ngày 23/7/2020 tại Hà Nội).

Một trong những biến đổi có thể dễ dàng nhận thấy ở đây là việc đặt sai vị trí của hai pho tượng Thiên lý nhân và Thuận phong nhĩ. Hai vị thần này vốn là thuộc hạ thân cận hai bên tả và bên hữu của bà Thiên Hậu, luôn được cộng đồng người Hoa bài trí cùng gian thờ với bà, nay không hiểu vì lý do gì lại được đặt chung cùng gian thờ với thần Thổ địa?.

Trong truyện “Phong thần diễn nghĩa” của Hứa Trọng Lâm, hồi 90 có tên “*Liễu Quý Đào Tinh bị đả Thần*” có đoạn: Hai con quái vật ấy là Đào Tinh, Liễu Quý. Đào Tinh râu đỏ, Liễu Quý mặt xanh. Nguyên tại Kỳ bàn có cây liễu và cây đào lâu năm, lớn lắm, rễ bò ba mươi dặm, thọ khí âm dương nhờ hơi nhật nguyệt thành ra hai con tinh. Tại núi ấy có miếu Huỳnh Đế Hiền viên, trong miếu có lên cột hai con quý sứ bằng đất, một con tên Thiên lý nhân, một con tên là Thuận phong nhĩ, Đào Tinh, Liễu Quý nhập vào hai cột ấy, nên Thiên lý nhân trông thấy ngàn dặm, Thuận phong nhĩ nghe xa ngàn dặm, nếu ngoài ngàn dặm thì không thấy, không nghe được” (Hứa Trọng Lâm, 1998, tr. 452-453). Hình tượng thường thấy là tượng đứng, một tay cầm binh khí, một tay đưa lên ngang mày (Thiên lý nhân), tượng còn lại tay đưa ngang tai (Thuận phong nhĩ). Trong các truyền thuyết về bà Thiên Hậu, đều có ghi chép về việc bà đã thu phục hai con quỷ này nhằm giúp bà trong việc cứu độ cho những người gặp nạn.

2.2.2. Biến đổi trong lễ nghi thờ cúng

Cho đến nay, chúng tôi vẫn chưa tìm được tài liệu nào ghi chép về những nghi lễ diễn ra trước đây ở miếu, đặc biệt trong hai ngày 23 tháng Ba (ngày sinh của bà Thiên Hậu) và ngày mùng 9 tháng Chín (ngày mất của bà Thiên Hậu) hàng năm. Tư liệu hiện còn ở miếu như bia ký hoặc cuốn “Phước Kiến hội quán Thiên Hậu cung” chỉ ghi chép một cách sơ lược “*đựng miếu để thờ bà...*”. Một số người Hoa Phúc Kiến hiện còn ở khu phố mà chúng tôi tiếp xúc được hoặc đã quá già không còn nhớ, hoặc trả lời rất dè dặt: “...không làm lễ gì lớn, chỉ dâng lễ vật tạ ơn bà”. Một số người Hoa khác trưởng thành sau những năm 1970 nên cũng “không rõ như thế nào”. Còn những người Việt lớn tuổi, sinh sống lâu năm ở đối diện hoặc gần miếu thờ mà chúng tôi gặp đều có chung một nội dung trả lời “Không nhớ rõ lắm, hình như không có lễ hội gì. Vì chúng tôi không tham gia, cũng không vào trong đó. Chỉ thấy hàng tháng, có người Hoa họ mang lễ vật đến cúng” (Phỏng vấn ông N.V.Q, sinh năm 1942, nhà ở đối diện miếu, ngày 2/11/2020).

Hàng tháng mà một số người Việt nhắc đến ở đây, chắc hẳn là ngày rằm và mồng một. Riêng trong hai ngày 23 tháng Ba và mồng 9 tháng Chín, dù chưa biết quy mô tổ chức như thế nào, nhưng chắc hẳn rằng cộng đồng người Hoa Phúc Kiến tổ chức rất trọng thể, trang nghiêm theo truyền thống của họ ở cổ hương - Trung Quốc, đặc biệt trong ngày 23 tháng Ba. Và rất có thể, những lễ tiết như thế này đã kéo dài cho đến giữa những năm 1970 - khi cộng đồng người Hoa chưa chịu tác động của những biến cố trong quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc do cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979 do Trung Quốc gây ra.

Để thấy rõ sự biến đổi trong nghi lễ thờ cúng hiện nay ở hội quán Phúc Kiến phố Lãn Ông, chúng tôi lấy các nghi lễ thờ cúng Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Thượng phố ở tỉnh Hưng Yên - một ngôi đền có sự đóng góp công sức của người Hoa gốc Phúc Kiến làm cứ liệu so sánh. Cụ thể, đền mỗi năm cũng tổ chức hội hai lần vào các ngày 23 tháng Ba và mồng 9 tháng Chín. Trong hai dịp hội này, dịp hội 23 tháng Ba được tổ chức qui mô, trọng thể và kéo dài trong 3 ngày, từ ngày 22 đến ngày 24, với những nội dung chính: Sáng ngày 22, làm lễ Tam sinh, rước bà Thiên Hậu ra tiền điện, thực hiện nghi thức tế lễ, liên hoan văn nghệ buổi tối; Sáng 23, Ban quản lý đền cùng chính quyền địa phương làm lễ khai mạc, dâng cúng lễ vật, các đội tế cùng người dân tham gia tế lễ, rước kiệu (5 năm tổ chức một lần); Sáng ngày 24, làm lễ tạ, kết thúc lễ hội (Phan Thị Hoa Lý, 2018, tr.295-300).

Còn ở hội quán Phúc Kiến phố Lãn Ông, những thông tin mà chúng tôi phỏng vấn được cho biết, sau những năm 1980: "...khi người Việt tiếp quản ngôi trường này, tôi không biết việc hương khói tại miếu được tiến hành trở lại từ lúc nào, nhưng từ khi tôi về quản lý (2010-2020), tôi đã theo nếp cũ trước đây của những người tiền nhiệm. Và những nghi lễ này mang phong cách của người Việt miền Bắc, tức là hằng năm ngoài những ngày rằm, mồng một hàng tháng đều có dâng hương, cúng hoa quả, xôi, gà, còn có thêm 4 lễ chính là: lễ vào hạ, ra hạ, lễ đầu năm, lễ tất niên. Bốn lễ này cũng ảnh hưởng ít nhiều từ tín ngưỡng thờ Mẫu thờ Thánh của người Việt miền Bắc. Còn về lễ vật, thì mình làm theo cái tâm của mình, nhưng nói chung cũng rất đa dạng và thực tế, ví dụ như hoa quả cũng gọt găng, nhẹ nhàng, mùa nào thức nấy" (Phỏng vấn bà B.B.T, ngày 23/7/2020, tại Hà Nội). Hàng tuần, việc lau chùi quét dọn khu vực miếu là do những người lao công làm khi họ vệ sinh khu phòng học, còn việc mua sắm lễ vật, nhà trường thường phân công cho các cô giáo ở Công đoàn trường cùng Đoàn Thanh niên. Lễ vật trong ngày rằm và ngày mồng một đơn giản nên các cô sẽ tự mua lấy, nhưng 4 lễ quan trọng kể trên thì phải sắm lễ theo sự hướng dẫn của thầy cúng, song nói chung cũng đơn giản như lễ vật cúng ở gia đình. Kinh phí cho những việc này là từ sự đóng góp của mỗi cá nhân, không sử dụng từ quỹ chung nào của nhà trường. Vào ngày rằm, mồng một, việc sắp đặt lễ vật và dâng hương sẽ do trong nội bộ nhà trường mà cụ thể là Công đoàn và tổ bảo vệ làm. Chỉ khi vào hạ, ra hạ, đầu năm, tất niên mới mời thêm thầy về cúng. Theo lời bà B.B.T, "thầy cúng ở đây cũng là ông tự ở chùa, ăn vận theo nhà Phật, một mình thầy vừa tụng kinh vừa gõ mõ, những bài kinh như Chú Đại Bi, kinh Mật Đa, nhằm mục đích cầu bình an, sức khỏe. Sau khi tụng ở hậu cung xong, sẽ ra bên ngoài sân tụng thêm bài Chú Vãng sanh, cầu cho các hương hồn được sớm về miền vãng sanh

cực lạc. Lễ vật cúng ngoài trời sẽ có thêm cháo loãng, khô nỏ..., vì theo quan niệm của người miền Bắc, các hương hồn sẽ rất đông và họ đang đói khát nên phải nấu cháo để phát được nhiều, nếu nấu cơm thì sẽ ít người được hưởng. Ngoài ra, trong những hương hồn này còn có cả trẻ em, nên mua thêm những vật cúng có màu xanh xanh đỏ đỏ để phân chia mỗi người mỗi ít” (Phỏng vấn bà B.B.T, ngày 23/7/2020, tại Hà Nội). Thời gian cho các bài tụng này (cả bên trong và bên ngoài) trong khoảng hơn 1 giờ. khi thầy làm lễ cúng, một số cán bộ, công nhân viên của nhà trường cũng tham gia chấp tay hành lễ. Do đặc thù ngôi miếu tọa lạc trong trường học, nên việc cúng lễ thường sẽ diễn ra vào buổi chiều, sau 17h30, khi học sinh đã tan học, nhà trường cũng rất hạn chế việc đốt vàng mã và đặc biệt không thực hiện các hoạt động “mê tín dị đoan”. Sau khi cúng xong, tất cả mọi người tham gia cùng thụ lộc. “Thầy cúng do Công đoàn mời và thường là cố định. Biết là từ tâm, nhưng chúng tôi cũng muốn thật chần chu và cầu mong mọi điều tốt đẹp trong một năm. Thầy cúng cũng xuất phát từ tâm, làm việc thiện, công đức, chứ không phải đi cúng để lấy tiền, vả lại, xưa nay việc cúng tế do nam giới đảm trách, nhưng ở trường tiểu học này thì đa số là nữ, nếu đứng ra làm lễ e rằng kiêng kỵ, thất kính với thánh thần” (Phỏng vấn bà B.B.T, ngày 23/7/2020, tại Hà Nội).

Từ những khảo sát, thu thập thông tin ở trên, theo nhận định của chúng tôi, hội quán Phúc Kiến phố Lãn Ông có lẽ là một trường hợp “đặc biệt” trong các hội quán có tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Hoa ở Việt Nam. Thêm nữa, đây là một di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia nhưng tọa lạc trong khuôn viên của trường học nên không thể mở cửa cho khách tham quan như nhiều di tích khác. Ngoài ra, “trên địa bàn của phường hiện nay, các di tích đều có Ban quản lý trực thuộc phường, riêng di tích hội quán Phúc Kiến thì không có, mà giao lại cho phía nhà trường quản lý” (Phỏng vấn ông N.D.C (UBND phường Hàng Bò), ngày 23/7/2020, tại Hà Nội). Do vậy, việc cúng lễ trong năm cũng chỉ diễn ra trong nội bộ của trường, không có sự tham gia của bất kỳ một thành phần nào khác.

3. Những yếu tố tác động đến sự biến đổi tín ngưỡng thờ Thiên Hậu

Từ khi hội quán được xây dựng, cộng đồng người Hoa Phúc Kiến đã không ngừng mở rộng, trùng tu, tôn tạo, từng bước đưa hội quán trở thành một nơi sinh hoạt của cộng đồng, nơi thực hành tín ngưỡng, tâm linh qua việc thờ cúng bà Thiên Hậu. Điều này đã được minh chứng qua hiện trạng kiến trúc, qua các tài liệu, văn bia hiện vẫn còn lưu giữ. Mặc dù trong các tài liệu này không ghi chép cụ thể về cách bài trí cũng như những nghi lễ diễn ra tại hội quán, nhưng căn cứ vào lai lịch của các vị thần, vào cách bài trí và những nghi lễ truyền thống của người Hoa có tín ngưỡng thờ cúng Thiên Hậu như ở Hội An và Thành phố Hồ Chí Minh, có thể khẳng định những biến đổi mà chúng tôi đã nêu ở trên là hoàn toàn có cơ sở. Những biến đổi này, chủ yếu do sự tác động của hai yếu tố lịch sử và văn hóa.

3.1. Yếu tố lịch sử

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ (1945 - 1975) và sau đó là chiến tranh biên giới phía Bắc chống Trung Quốc xâm lược (từ 1979 kéo dài cho đến khi bình thường

hóa quan hệ vào năm 1991), mọi sinh hoạt tín ngưỡng ở Việt Nam nói chung và của cộng đồng người Hoa nói riêng đều bị chìm lắng và thiếu sự liên tục. Đặc biệt, vào cuối những năm 1970, khi quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc trở nên căng thẳng, đông đảo người Hoa đã rời khỏi Việt Nam, trong đó có người Hoa Phúc Kiến ở phố Lãn Ông, Hà Nội. Sự kiện này, chắc chắn đã có những tác động không nhỏ đến sự toàn vẹn về kiến trúc cũng như làm gián đoạn việc thờ cúng tại miếu Thiên Hậu trong một thời gian dài. Chỉ sau năm 1986, trong thời kỳ đổi mới những sinh hoạt tín ngưỡng mới dần dần được khôi phục trên cả nước, nhưng lúc này cộng đồng người Hoa Phúc Kiến ở phố Lãn Ông đã không còn duy trì sự quản lý và thực hành tín ngưỡng của mình tại hội quán.

3.2. Yếu tố văn hóa

Từ xa xưa, trong đời sống tâm linh của người Việt đã xuất hiện tín ngưỡng thờ Nữ thần (Mẫu thần) nhằm cầu mong sự vật được sinh sôi nảy nở, mặt khác tín ngưỡng này còn thể hiện sự tôn vinh, đề cao vai trò của người phụ nữ, chống lại định kiến “trọng nam không trọng nữ” của xã hội lúc bấy giờ. Đây chính là một trong những nguyên nhân quan trọng để tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Hoa - vốn gần gũi với tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt dễ dàng được chấp nhận và hòa nhập.

Ở hội quán Phúc Kiến phố Lãn Ông, sau khi tiếp quản học hiệu Phúc Kiến (nay là Trường Tiểu học Hồng Hà), Ban giám hiệu nhà trường ngoài hoạt động chuyên môn đã tiếp nối việc hương khói, lễ lạt bà Thiên Hậu, nhưng không theo truyền thống của người Hoa trước đây mà hoàn toàn theo lễ nghi của người Việt dù có phần đơn giản hơn nhiều. Như câu trả lời của bà B.B.T, khi chúng tôi đặt câu hỏi tại sao phải thờ cúng một vị thần của người Hoa, bà cho biết: “Tôi chỉ biết đây là bà Thiên Hậu, một vị thần bảo hộ cho những người đi biển của người Hoa, còn những câu chuyện sâu xa khác về bà thì tôi không nắm rõ. Nhưng sở dĩ hàng năm, chúng tôi có những cuộc lễ như đã kể ở trên là do bà cũng là một vị nữ thần như nhiều vị nữ thần khác của người Việt, thêm nữa miếu thờ bà tọa lạc trong khuôn viên của trường, nên việc hương khói cũng là điều hẳn nhiên theo truyền thống văn hóa của người Việt” (Phỏng vấn bà B.B.T, ngày 23/7/2020, tại Hà Nội).

Kết luận

Hội quán Phúc Kiến ở phố Lãn Ông, Hà Nội là công trình tín ngưỡng dân gian do người Hoa gốc tỉnh Phúc Kiến đóng góp tiền của để xây dựng vào năm Gia Long 16 (1817), khi họ đến làm ăn, sinh sống tại vùng đất này. Hội quán vừa là nơi tụ họp, bàn việc kinh doanh, buôn bán, vừa là nơi thờ nữ thần Thiên Hậu - vị thần bảo hộ rất linh ứng đối với những thương nhân, thủy thủ đi trên biển. Hội quán Phúc Kiến được xây dựng kết hợp cả hai phong cách kiến trúc - nghệ thuật Trung Hoa - Việt Nam. Những di vật, bia ký hiện còn ở di tích là nguồn tài liệu quý giá để các nhà nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, mỹ thuật, phong tục tập quán... của cả người Hoa và người Việt ở Thăng Long - Hà Nội đầu

thế kỷ XIX. Ngoài ra, những thông tin trên bia ký còn cho biết chính xác về thời gian xây dựng, cũng như danh sách những người đã góp công góp sức cho việc trùng tu hội quán.

Về cơ bản, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu có những đặc trưng riêng, nhưng cũng có điểm chung so với người Việt là tôn thờ Thánh Mẫu. Người Hoa nói chung tôn vinh Thiên Hậu là “Thiên Thượng Thánh mẫu” (người mẹ của trời); còn người Việt tôn vinh bà chúa Liễu Hạnh là “Mẫu nghi thiên hạ”. Có lẽ chính sự tương đồng này đã khiến cho sự xuất hiện của hội quán ngay tại phố cổ Thăng Long - Hà Nội sớm uất vắn dễ dàng được chấp nhận và tôn trọng (Nguyễn Thị Hòa, 2003, tr. 99).

Sự hài hòa, chấp nhận và tôn trọng ấy được duy trì cho đến hôm nay, khi quản lý hội quán không còn là bang hội của người Hoa Phúc Kiến mà do Trường Tiểu học Hồng Hà đảm nhiệm. Ngoài khu vực hội quán là nơi thờ bà Thiên Hậu, bao quanh ba mặt là phòng làm việc và phòng học của học sinh. Qua bao năm, hội quán về cơ bản vẫn được giữ gìn, bảo quản khá tốt, tổ chức hương khói quanh năm (dù các lễ nghi đã có sự biến đổi), nơi đây vẫn là một trong những di tích kiến trúc đẹp, độc đáo, tiêu biểu tại Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hòa (2002), “Hội quán Phúc Kiến”, trong: *Di tích lịch sử - văn hóa trong khu phố cổ và xung quanh hồ Hoàn Kiếm - Hà Nội*, Ban chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội, Nxb. Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hòa (2003), “Hội quán Phúc Kiến, phố Lãn Ông, Hà Nội, một công trình kiến trúc rất quen mà rất lạ”, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 3/2003.
3. Nguyễn Thái Hòa (2017), “Về các sắc phong cho bà Thiên Hậu của các triều đại phong kiến Trung Quốc”, trong: *Văn hóa dân gian và giao lưu xuyên văn hóa*, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thái Hòa, Võ Văn Hoàng (2019), “Từ tín ngưỡng hải thần ở Trung Quốc đến tín ngưỡng hải thần của người Hoa ở Hội An”, Tham luận hội thảo: *Xây dựng mạng lưới di sản văn hóa phi vật thể biển, chủ đề: Truyền thống biển: Thực hành và Tín ngưỡng*, do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An và tổ chức Ichcap đồng tổ chức tại thành phố Hội An ngày 21-22/11/2019.
5. Hứa Trọng Lâm (1998), *Phong thần diễn nghĩa*, tập 2, bản dịch của Mộng Bình Sơn, Nxb. Văn học, Hà Nội.
6. Phan Thị Hoa Lý (2018), *Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

7. Phan Thị Hoa Lý (2019), “Biến đổi tục thờ bà Thiên Hậu ở đền Thiên Hậu Hạ Phố: chiến lược hội nhập của người Hoa”, Tham luận hội thảo quốc tế: *Tín ngưỡng thờ Quan Âm và nữ thần ở châu Á* do Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội kết hợp với Trường Đại học Thành Công, Đại học Kim Môn (Đài Loan, Trung Quốc) tổ chức ngày 05-06/9/2019, tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
8. Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, Ban quản lý di tích và danh thắng (2006), *Lý lịch di tích Hội quán Phúc Kiến* (bản đánh máy).
9. Nguyễn Ngọc Thơ (2015), “Đặc trưng tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Phát triển khoa học và Công nghệ*, X2/2015.
10. Nguyễn Ngọc Thơ (2017), *Tín ngưỡng Thiêu Hậu vùng Tây Nam bộ*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Trần Thái Tiên (2011), *Nguồn gốc của các vị thần*. Nxb. Hoa Kiều Trung Quốc, Bắc Kinh. 陈泰先. 2011. 《神的由来》, 北京: 中国华侨出版社.
12. Phạm Văn Tú (2008), “Thiên Hậu thánh mẫu - vị nữ thần biển khơi và sự thâm nhập của tín ngưỡng này vào vùng biển phía Nam”, trong: *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
13. Phan Thị Yến Tuyết (2001), “Về lai lịch một ngôi miếu xưa tại Hà Nội”, trong: *Nghĩ về Thăng Long Hà Nội*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
14. Nguyễn Hoài, Nguyễn Loan, Nguyễn Tuệ (2002), *Từ điển đường phố Hà Nội*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
15. Võ Thị Ánh Tuyết (2014), “Nghiên cứu so sánh tín ngưỡng thờ cúng Thiên Hậu tại các miếu (hội quán) của người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh với Hội An (Quảng Nam)”, trong: *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ - bản sắc và giá trị*, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Dương Hiểu Yến (2012), *Hải thần Thiên Hậu ngư gia nữ: Ma Tổ*, Nxb. Đại học Sư phạm Đông bắc, Trường Xuân. 杨晓燕 (2012), *海神天后渔家女: 妈祖长春*, 东北师范大学出版社.